

trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này thì đơn giá thuê đất có mặt nước được xác định bằng 60% đơn giá thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

2. Cục thuế xác định số tiền thuê đất có mặt nước phải nộp và thông báo cho người thuê đất theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê đất có mặt nước để thực hiện dự án đầu tư.

3. Chi cục thuế xác định số tiền thuê đất có mặt nước phải nộp và thông báo cho người thuê đất theo quy định của pháp luật đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuê đất có mặt nước để sản xuất kinh doanh.

Điều 6. Đơn giá thuê mặt nước

1. Căn cứ khung giá thuê mặt nước quy định tại Khoản 1 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình UBND thành phố quyết định đơn giá thuê mặt nước của từng dự án cụ thể.

2. Căn cứ đơn giá thuê mặt nước và diện tích mặt nước thuê, Cục Thuế xác định, thông báo số tiền thuê mặt nước phải nộp và tổ chức thực hiện thu nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP như sau:

a) Trường hợp thuê mặt nước trả tiền thuê hàng năm thì số tiền thuê mặt nước thu hàng năm bằng diện tích mặt nước thuê nhân (x) đơn giá thuê mặt nước.

b) Trường hợp thuê mặt nước trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê thì số tiền thuê mặt nước được tính bằng diện tích mặt nước thuê nhân (x) thời gian thuê mặt nước nhân (x) đơn giá thuê mặt nước.

Điều 7. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Duy Khương